



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực tập doanh nghiệp 2 (TMĐT) - MH1104264

Mã lớp học phần: 24311MH110426401 Số tín chỉ: 6

Giảng viên giảng dạy: Phạm Hữu Phước - (04149)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310160030 | Phạm Nguyễn Trường An  | 29/09/2005 |        |       | 7.0     | Bảy      | C25TM  |         |
| 2   | 2310160011 | Huỳnh Thảo Chi         | 05/04/2005 |        |       | 7.0     | Bảy      | C25TM  |         |
| 3   | 2310160034 | Nguyễn Kiều Quốc Cường | 06/02/2005 |        |       |         |          | C25TM  |         |
| 4   | 2310160006 | Hồ Thị Mỹ Hạnh         | 19/04/2005 |        |       | 8.0     | Tám      | C25TM  |         |
| 5   | 2310160002 | Trần Ngọc Minh Hân     | 10/12/2005 |        |       | 5.0     | Năm      | C25TM  |         |
| 6   | 2310160001 | Phạm Thị Mỹ Lệ         | 12/02/2000 |        |       | 9.5     | Chín năm | C25TM  |         |
| 7   | 2310160008 | Trần Hoàng Long        | 01/11/2005 |        |       | 7.0     | Bảy      | C25TM  |         |
| 8   | 2310160036 | Huỳnh Tấn Lộc          | 16/10/2004 |        |       | 8.0     | Tám      | C25TM  |         |
| 9   | 2310160035 | Nguyễn Minh Luân       | 08/11/2005 |        |       | 8.0     | Tám      | C25TM  |         |
| 10  | 2310160020 | Lư Trúc Mai            | 07/05/2005 |        |       | 6.0     | Sáu      | C25TM  |         |
| 11  | 2310160015 | Nhan Thanh Mai         | 14/12/2005 |        |       | 8.5     | Tám năm  | C25TM  |         |
| 12  | 2310160009 | Nguyễn Thị Hà My       | 01/01/2004 |        |       | 9.0     | Chín     | C25TM  |         |
| 13  | 2310160027 | Nguyễn Ánh Như         | 06/05/2005 |        |       | 7.0     | Bảy      | C25TM  |         |
| 14  | 2310160038 | Nguyễn Nhựt Hà Phương  | 01/10/2005 |        |       | 8.0     | Tám      | C25TM  |         |
| 15  | 2310160019 | Trần Trúc Phương       | 26/10/2005 |        |       | 8.5     | Tám năm  | C25TM  |         |
| 16  | 2310160033 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | 26/06/1996 |        |       | 7.0     | Bảy      | C25TM  |         |
| 17  | 2310160005 | Phạm Thị Ngọc Thảo     | 26/09/2005 |        |       | 9.0     | Chín     | C25TM  |         |
| 18  | 2310040022 | Nguyễn Ngô Nhật Thuận  | 02/04/2005 |        |       | 9.0     | Chín     | C25TM  |         |
| 19  | 2310160013 | Nguyễn Trần Anh Thư    | 10/12/2005 |        |       | 9.0     | Chín     | C25TM  |         |
| 20  | 2310160007 | Đoàn Thị Mỹ Tiên       | 31/03/2005 |        |       | 9.0     | Chín     | C25TM  |         |
| 21  | 2310160023 | Trần Thị Cẩm Tiên      | 24/12/2005 |        |       | 8.0     | Tám      | C25TM  |         |
| 22  | 2310160003 | Huỳnh Thị Kim Trang    | 17/02/2005 |        |       | 9.0     | Chín     | C25TM  |         |
| 23  | 2310160037 | Nguyễn Minh Tú         | 23/11/2005 |        |       | 5.0     | Năm      | C25TM  |         |
| 24  | 2310160025 | Lê Hoàng Vũ            | 30/09/2005 |        |       | 8.0     | Tám      | C25TM  |         |
| 25  | 2310160012 | Lê Thị Thúy Vy         | 10/03/2005 |        |       | 7.0     | Bảy      | C25TM  |         |

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 24 / 24.

Số sinh viên đạt/không đạt: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày 17 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 16 tháng 07 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)